

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH  
HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH**

**PHẠM XUÂN ĐƯƠNG**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÔ THỊ HÓA TRONG  
TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH  
TẾ QUỐC TẾ Ở TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Chuyên ngành:* Quản lý hành chính công  
*Mã số* : 62 34 82 01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CÔNG**

**HÀ NỘI - 2010**

**Công trình được hoàn thành tại Học viện Hành chính,  
Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh**

***Người hướng dẫn khoa học:* PGS, TS PhạmKim Giao  
TS Đinh Ngọc Hiện**

***Phản biện 1:* GS,TS. Lê Hồng Kế, Hội Quy hoạch và Phát triển Đô thị Việt  
Nam**

***Phản biện 2:* PGS, TS. Lưu Đức Hải, Bộ Xây dựng**

***Phản biện 3:* PGS, TS. Vũ Thị Vinh, Hiệp hội các đô thị  
Việt Nam**

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận án cấp Nhà nước tại  
Học viện Hành chính, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh  
Vào hồi ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm 2010**

**Có thể tìm hiểu Luận án tại:**

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thư viện Học viện Hành chính, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

## **CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐĂNG TRÊN CÁC TẠP CHÍ KHOA HỌC**

1. Phạm Xuân Đương (9-2005), *Quản lý nhà nước về Trật tự mỹ quan đô thị trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, (116), ISSN 0868-2828, Học viện Hành chính Quốc gia, tr.14.
2. Phạm Xuân Đương (9-2005), *Giải pháp để gìn giữ tốt hơn môi trường đô thị ở thành phố Thái Nguyên*, Tạp chí Giáo dục lý luận, (102), ISSN 0868-3492, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị khu vực I, tr.42.
3. Phạm Xuân Đương (10-2003), *Thành phố Thái Nguyên Đô thị loại II những tiềm năng và phát triển*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, (366), ISSN 0866.7120.
4. Phạm Xuân Đương (6-2006), *Phát triển dịch vụ ở thành phố Thái Nguyên*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, (125), ISSN 0868-2828, Học viện Hành chính Quốc gia, tr.33.
5. Phạm Xuân Đương (4-2009), *Đô thị hóa ở Châu Á một số bài học quản lý và phát triển*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, (159), ISSN 0868-2828, Học viện Hành chính, tr.15.
6. Phạm Xuân Đương (5-2009), *Đô thị hóa ở Việt Nam nhìn từ thách thức và bài học đô thị hóa ở Châu Á*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, (160), ISSN 0868-2828, Học viện Hành chính Quốc gia, tr.28.
7. Phạm Xuân Đương (9-2009), *Mục tiêu, phương hướng phát triển đô thị hóa và vai trò của Nhà nước đối với đô thị hóa*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, (164), ISSN 0868-2828, Học viện Hành chính, tr.6.
8. Phạm Xuân Đương (2009), *Phương thức và giải pháp quản lý nhà nước đối với đô thị hóa*, Tạp chí Xây dựng của Bộ Xây dựng, (09), ISSN 0866-0762, tr.70.
9. Phạm Xuân Đương (11-2009), *Giải pháp quản lý Nhà nước đối với quá trình đô thị hóa*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, (166), ISSN 0868-2828, Học viện Hành chính, tr.38.

## MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết nghiên cứu của đề tài

1.1. Xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp CNH-HĐH (công nghiệp hóa, hiện đại hóa) đất nước và HNKT (hội nhập kinh tế) quốc tế.

1.2. Xuất phát từ yêu cầu PTBV (phát triển bền vững) HTĐT (hệ thống đô thị) của quốc gia và các vùng địa phương.

1.3. Xuất phát từ yêu cầu đẩy mạnh PT (phát triển) KT-XH (kinh tế-xã hội) và đẩy nhanh tiến trình CNH-HĐH và ĐTH (đô thị hóa) ở tỉnh Thái Nguyên.

1.4. Xuất phát từ yêu cầu đóng góp cho sự phát triển của khoa học đô thị hóa và QLHC (quản lý hành chính) công về đô thị hóa.

### 2. Mục đích nghiên cứu

#### 2.1. Mục đích, nghiên cứu

Từ lý luận về ĐTH và QLNN (quản lý nhà nước) về ĐTH ở tỉnh Thái Nguyên, luận án đề xuất một số giải pháp chủ yếu của QLNN về ĐTH từ thực tiễn ở tỉnh Thái Nguyên nhằm đẩy nhanh quá trình ĐTH phục vụ nhiệm vụ PT KT-XH và PT HTĐT của tỉnh trong tiến trình CNH-HĐH và HNKT quốc tế.

#### 2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích những xu hướng vận động và phát triển cũng như những nội hàm KT-XH, không gian lãnh thổ, quá trình đô thị hóa trong điều kiện địa lý, KT-XH khác nhau; các cách thức giải quyết có tính nguyên tắc giữa phát triển KT-XH và đẩy mạnh quá trình đô thị hóa.

- Làm rõ vai trò QL (quản lý) và tác động của Nhà nước đến sự phát triển đô thị hóa, các yếu tố tác động đến đô thị hóa và QLNN về đô thị hóa.

- Đề xuất một số giải pháp có tính nguyên tắc cơ bản và chiến lược nhằm hoàn thiện QLNN về đô thị hóa, đáp ứng các mục tiêu XD (xây dựng) HTĐT phát triển nhanh, hợp lý, hài hòa, bền vững trên địa bàn, đẩy nhanh tiến trình CNH-HĐH của tỉnh; sớm đưa tỉnh Thái Nguyên sớm trở thành tỉnh CN (công nghiệp) theo hướng HĐ (hiện đại) trước năm 2020.

### 3. Đối tượng nghiên cứu của luận án

3.1. **Đối tượng nghiên cứu:** Đối tượng nghiên cứu là ĐTH và QLNN về ĐTH ở tỉnh Thái Nguyên trong tiến trình CNH-HĐH và HNKT quốc tế đến 2020.

3.2. **Khách thể nghiên cứu:** Là những giải pháp chủ yếu của Nhà nước và chính quyền địa phương tác động vào quá trình đô thị hóa phục vụ các mục tiêu phát triển KT-XH, BVMT (bảo vệ môi trường) bền vững. Đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế.

### 4. Phạm vi nghiên cứu của luận án

#### 4.1. Về nội dung nghiên cứu

##### \* Về lý luận

- Một số xu hướng vận động phát triển cũng như những nội hàm kinh tế - xã hội và không gian lãnh thổ của đô thị hóa.

- Những yếu tố tác động đến sự PT của ĐTH và hiệu quả QLNN về ĐTH.

##### \* Về thực tiễn

Từ thực tiễn ở tỉnh Thái Nguyên, rút ra những bài học quản lý và phát triển.

*\* Kết quả nghiên cứu*

- Dự báo ĐTH và PT HTĐT tỉnh Thái Nguyên đến 2020, tầm nhìn 2050.
- Xây dựng, đổi mới và hoàn thiện một số giải pháp quản lý và phương thức tác động của Nhà nước vào đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong tiến trình CNH-HĐH và HNKT quốc tế.

**4.2. Về không gian nghiên cứu**

Luận án được nghiên cứu ở tỉnh Thái Nguyên và mối liên hệ vùng với Thủ Đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng Việt Bắc. Khi xem xét mối quan hệ tác động đối với Thái Nguyên, luận án có đề cập nghiên cứu ở phạm vi rộng hơn.

**4.3. Về thời gian nghiên cứu**

Từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050.

**5. Phương pháp nghiên cứu**

**5.1. Phương pháp luận nghiên cứu**

Đề tài sử dụng phương pháp luận tư duy, nhận thức và nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác-Lênin, các quan điểm, chủ trương đường lối, chính sách, PL (pháp luật) của Đảng và Nhà nước làm nền tảng để nghiên cứu, liên hệ và vận dụng.

**5.2. Phương pháp nghiên cứu**

*a. Phương pháp lịch sử:* Đô thị và đô thị hóa được nghiên cứu theo tư duy lịch sử. Mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử đều phản ánh những qui luật mang tính lịch sử nhất định trong tiến trình đô thị hóa.

*b. Phương pháp xử lý thông tin tư liệu:* Dựa vào việc phân tích xử lý thông tin tư liệu, tổng hợp các kết quả để phân tích và xử lý. "Phân tích là phương pháp phân chia cái toàn thể của hệ thống thành từng tiểu hệ thống, từng phân hệ hoặc từng cá thể để nghiên cứu và tìm hiểu. Còn tổng hợp là phương pháp dựa vào phân tích và liên kết, thống nhất các bộ phận, các mặt yếu tố lại để nhận thức cái toàn thể".

*c. Phương pháp điều tra, khảo sát thực tế:* Là đánh giá thực trạng phát triển; những kết quả và yếu kém của đô thị hóa và QLNN về đô thị hóa ở tỉnh Thái Nguyên. Kết quả điều tra khảo sát thực tế là một trong những cơ sở để dự báo phát triển hoặc khả năng, triển vọng có thể đạt được thông qua các giải pháp tác động, quản lý...

*d. Phương pháp dự báo*

Là phân tích triển vọng PT của vùng nói chung, của ngành, lĩnh vực nói riêng. Cơ sở DB (dự báo) ĐTH là các DB về PT KT-XH. DB sẽ đưa ra được qui mô, lộ trình và hình thái PT, phân bố ĐTH NT (nông thôn) trong tương lai v.v...

*e. Phương pháp so sánh*

Là làm rõ sự giống nhau và khác nhau, mức độ hơn kém giữa địa bàn nghiên cứu với các địa bàn khác trong vùng và trong nước để tìm ra hướng đi và cách khắc phục cho đối tượng và địa bàn nghiên cứu.

*f. Phương pháp thực nghiệm*

Là vận dụng, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, ý tưởng và giải pháp vào thực tiễn XDPT (xây dựng phát triển) ĐT (đô thị) và NT (nông thôn) ở tỉnh Thái Nguyên để kiểm chứng, đánh giá hiệu quả và hoàn thiện. Ngoài ra còn một số phương pháp khác như; xã hội học, chuyên gia, tham vấn v.v...

**6. Đóng góp mới của luận án**

### **6.1. Về lý luận**

- Nhận diện và làm rõ các xu hướng vận động, phát triển có tính quy luật của ĐTH trong các điều kiện địa lý, KT-XH khác nhau; các vấn đề lý luận và QLNN về ĐTH; các yếu tố tác động chủ yếu và QLNN về ĐTH. Vai trò, nội dung, nhiệm vụ QLNN về đô thị hóa, trong tiến trình CNH-HĐH và HNKT quốc tế.

- Làm rõ ưu điểm và nhược điểm của các phương thức đô thị hóa.

- Tổng quan kinh nghiệm QLĐT và ĐTH của quốc tế; những bài học kinh nghiệm, nguyên tắc điều chỉnh phát triển đô thị hóa bền vững.

### **6.2. Về mặt thực tiễn**

- Định hướng, mục tiêu, chỉ tiêu PT ĐTH tỉnh Thái Nguyên đến 2020.

- Làm cơ sở để xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển HTĐT và phát triển các đô thị, khu DCNT (dân cư nông thôn) trên địa bàn tỉnh.

- Hoạch định các cơ chế, chính sách, kế hoạch và chỉ tiêu thực hiện trong từng giai đoạn, thu hút đầu tư, qui hoạch và triển khai thực hiện.

- Xây dựng các phương thức và các giải pháp tác động của QLNN vào quá trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh đến 2020.

- Làm cơ sở cho nghiên cứu và giảng dạy về ĐTH và QLNN về ĐTH.

- Giúp các địa phương khác có cơ sở lý luận khoa học để vận dụng vào điều kiện cụ thể của địa phương mình.

### **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Tổng quan, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục. Nội dung luận án gồm có 3 chương.

Chương 1: Cơ sở khoa học của quản lý nhà nước về đô thị hóa.

Chương 2: Thực trạng ĐTH và QLNN về ĐTH ở tỉnh Thái Nguyên

Chương 3: Một số giải pháp và phương thức tác động chủ yếu của QLNN về ĐTH ở tỉnh Thái Nguyên trong tiến trình CNH-HĐH và HNKT quốc tế.

## **TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

### **1. Ngoài nước**

Thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học, các tài liệu xuất bản về đô thị hóa tập trung thể hiện ở các nội dung sau:

- Các xu hướng phát triển của ĐTH tại các nước TBCN (tư bản công nghiệp) phát triển, các nước đang phát triển, cũng như các mô hình ĐTH và QH (qui hoạch) phát triển HTĐT quốc gia và VLT (vùng lãnh thổ) trên thế giới.

- Các đặc trưng, đặc điểm, tính chất của đô thị hóa ở các vùng KT-XH khác nhau thì các vấn đề, hệ lụy đặt ra cần phải giải quyết phù hợp.

- Các giải pháp điều chỉnh phát triển HTĐT và quá trình đô thị hóa.

- Các vấn đề KT-XH, MT (môi trường) của đô thị hóa v.v...

### **2. Trong nước**

Đây là vấn đề mới được đề cập từ vài thập niên gần đây nhưng ở mức độ còn sơ khai so với các lĩnh vực khoa học khác của đô thị.

CNH-HĐH và tiến trình liên kết HNKT các vùng, các khu vực và quốc tế đã đặt ra nhiều vấn đề phức tạp trong xây dựng PTĐT (phát triển đô thị) mà chỉ có thể giải quyết

được trong HTĐT, trong phạm vi quốc gia, vùng lãnh thổ và có khi cả quốc tế, do đó nghiên cứu về ĐTH đang dần trở nên cấp thiết.

Song chưa có nghiên cứu nào có tính toàn diện QLNN về đô thị hóa tầm quốc gia, vùng hay địa phương và ở Thái Nguyên cũng chưa có.

Vì vậy đề tài này rất cần thiết và có ý nghĩa về mặt lý luận cũng như thực tiễn đó chính là lý do mà tác giả lựa chọn.

## **Chương 1**

### **CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÔ THỊ HÓA**

#### **1.1. Khái niệm về đô thị**

“Đô thị” là tên gọi chung cho tất cả các thành phố, thị xã, thị trấn và dân cư, lao động được chuyển từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp. “Đô” và “Thị” là hai yếu tố cấu thành đô thị. Đô thị ngày nay không chỉ dựa vào hai yếu tố đó mà còn nhiều yếu tố tác động khác nữa như du lịch, văn hoá, giáo dục, khoa học-công nghệ, giao thông vận tải v.v...

Khái niệm đô thị được tổng quát như sau: Đô thị là điểm tập trung đông dân cư, với mật độ dân số cao và đa số là những người lao động phi nông nghiệp, họ sống và làm việc theo lối sống thành thị, một lối sống được tổ chức khoa học, văn minh, hiện đại và phát triển cao hơn lối sống ở nông thôn.

#### **1.2. Những vấn đề lý luận về đô thị hóa**

##### **1.2.1. Đô thị hóa**

###### *1.2.1.1. Khái niệm đô thị hóa*

Đô thị hóa là quá trình tập trung dân số vào đô thị, hình thành nhanh các điểm DCĐT (dân cư đô thị) trên cơ sở phát triển sản xuất và đời sống, hay; đô thị hóa là sự di cư từ nông thôn vào thành thị, là sự tập trung ngày càng nhiều DC (dân cư) sống trong những vùng địa lý lãnh thổ có giới hạn được gọi là các đô thị... Đặc điểm đô thị hóa: - Tập trung và phân hóa các hoạt động đô thị.

- Hình thành các hình mẫu cấu trúc không gian mới về môi trường định cư
- Mở rộng và phổ biến lối sống đô thị về các vùng nông thôn.

ĐTH; là một quá trình phát triển động, có tác động tương hỗ đa chiều với nhiều lĩnh vực, đặc biệt với các lĩnh vực KT-XH. ĐTH còn phục vụ mục tiêu xóa bỏ dần sự khác biệt cơ bản giữa đô thị và nông thôn, giữa vùng miền.

###### *1.2.1.2. Quá trình đô thị hóa*

###### **a. Các giai đoạn của quá trình đô thị hóa**

Đô thị hóa được phân chia ra 3 thời kỳ sau:

- \* *Đô thị hóa tiền công nghiệp*; đô thị hành chính, tôn giáo, thương mại.
- \* *Đô thị hóa công nghiệp*; giai đoạn đô thị hóa phát triển nhanh chóng.
- \* *Đô thị hóa hậu công nghiệp* cuối của quá trình đô thị hóa sang dịch vụ.

###### **b. Lộ trình đô thị hóa**

Thứ nhất; sự tập trung các tiềm năng kinh tế, VHXX (văn hóa xã hội), dân cư của quốc gia vào các đô thị lớn, như thủ đô hay thủ phủ vùng.

Thứ hai; lan tỏa ảnh hưởng các thành tựu đạt được đến các đô thị vừa và nhỏ ở các vùng ngoại thành và đến các điểm dân cư nông thôn.

### **1.2.2. Các xu hướng phát triển chủ yếu của đô thị hóa**

#### **1.2.2.1. Tăng trưởng nhanh dân số đô thị và đô thị hóa**

- Các nước phát triển tỉ lệ ĐTH 75 - 80%, trên 90% và sẽ chậm dần lại.
  - Các nước trung bình, tỉ lệ 40 - 50% sau sẽ tốc độ tăng nhanh hơn.
  - Các nước chậm phát triển với tỉ lệ 30 - 40%, sau có tốc độ tăng rất nhanh. Việt Nam
- sau đổi mới, đã từng bước CNH - ĐTH mạnh mẽ.

#### **1.2.2.2. Tăng nhanh quy mô dân số của các đô thị lớn**

Quá trình đô thị hóa, gia tăng dân số của các đô thị khác nhau... đô thị lớn có xu hướng tăng nhanh hơn so với các đô thị vừa và nhỏ. Việt Nam; Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, dự báo 8 và 10 triệu người năm 2020. Tổng số; DSĐT của cả nước (25,4 triệu người), các đô thị trực thuộc trung ương chiếm tỷ trọng cao so với cả nước (11 triệu), sự tập trung dân số vào các đô thị này rất cao.

#### **1.2.2.3. Tăng nhanh số lượng các đô thị lớn**

Tăng nhanh dân số, mở rộng các đô thị cũ và hình thành các đô thị mới, thì số lượng các đô thị lớn tăng nhanh. Đô thị từ 50 vạn dân trở lên từ năm 1950-2000 (Bảng 1.8 trong Luận án). Đô thị trên 10 triệu dân trên thế giới năm 1975 có 15 ĐT đến năm 1995 có 42 và dự báo 2015 có 78 đô thị.

#### **1.2.2.4. Tăng nhanh đất xây dựng đô thị**

Trên thế giới; đất XDĐT khoảng 3 triệu km<sup>2</sup> chiếm 2% diện tích lục địa.

Việt Nam; đất XDĐT (xây dựng đô thị) năm 1998 chiếm 0,20%, năm 2000 là 0,35%, năm 2015 và 2025 DB sẽ là 1,06% và 1,4% (ứng với đất XDĐT tính theo đầu người năm 1998 là 45m<sup>2</sup>; năm 2000 là 60m<sup>2</sup>; năm 2015 là 95m<sup>2</sup> và năm 2025 là 85m<sup>2</sup>).

#### **1.2.2.5. Mở rộng không gian lãnh thổ đô thị hóa và lối sống đô thị**

Mức độ gia tăng ĐXD (đất xây dựng) và không gian lãnh thổ ĐTH nhanh hơn mức độ gia tăng dân số. Quá trình mở rộng ĐTH; ĐXD tăng, thu hút các nguồn lực và theo đó mở rộng không gian lãnh thổ, lối sống đô thị.

- Xu hướng mở rộng xung quanh một đô thị trung tâm (đơn tâm)
- Xu hướng mở rộng theo vành đai vòng tròn (vòng tròn)
- Xu hướng mở rộng theo hình tia rẽ quạt theo trục (hình sao)
- Xu hướng mở rộng theo nhóm phân tán (đa tâm).

### **1.3. Những mối quan hệ giữa kinh tế - xã hội và đô thị hóa**

#### **1.3.1. Mối quan hệ giữa công nghiệp hóa và đô thị hóa**

- a. CNH - HĐH, tạo ra động lực để đô thị hóa phát triển
- b. CNH và ĐTH là 2 quá trình vận động, cùng phát triển.
- c. Hướng chuyên động của ĐTH nhất quán với hướng công nghiệp hóa.
- d. Diễn biến nội dung của ĐTH cũng nhất quán với ND của CNH-HĐH.

#### **1.3.2. Cơ cấu kinh tế, lao động và đô thị hóa**

Chuyên dịch CCKT (cơ cấu kinh tế), lao động và đô thị hóa có sự biến đổi đồng thuận và tác động lẫn nhau thì CCKT và LĐXH (lao động xã hội), giá trị sản phẩm và LĐ (lao động) cũng tăng theo hướng công nghiệp, DV (dịch vụ).



- Khi ĐTH < 30% chuyển dịch CCKT, LĐ nhanh hơn tăng trưởng ĐTH.
- Mức 30-50% chuyển dịch CCKT, LĐ cũng tương tự như tốc độ ĐTH.
- Mức > 50% chuyển dịch CCKT LĐXH chậm dần, song tốc độ đô thị hóa nhanh hơn chuyển dịch CCKT, LĐXH của quốc gia và vùng địa phương. Ngày nay ở nước CNPT có tỷ lệ ĐTH 80-90%, không tăng DSDT, hoặc tăng rất ít, song vẫn có chuyển dịch CCKT lao động.

Khi LĐCN (lao động công nghiệp) đạt tỷ lệ khoảng một nửa trong tổng LĐXH 45-50% thì sự PTKT chuyển dần sang HDH (hiện đại hóa) trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ KHCN vào SXCN (sản xuất công nghiệp) làm cho năng xuất và hiệu quả sản xuất của các ngành công nghiệp tăng lên, LĐCN dồi dào và sẽ chuyển sang các ngành dịch vụ.

### **1.3.3. Những nội hàm kinh tế, xã hội của đô thị hoá**

- Phát triển ĐT và ĐTH phải nâng cao đời sống của nhân dân.
- Sự di chuyển LĐ từ NT vào các KCN và các ĐT lớn không được gây nên những hằng hụt, mất cân đối nguồn LĐ để phục vụ CNH - HDH NN, NT.
- ĐTH càng phát triển thì cần phải giải quyết hợp lý các vấn đề xã hội...

## **1.4. Những vấn đề lý luận quản lý nhà nước về đô thị hóa**

### **1.4.1. Khái niệm quản lý nhà nước về đô thị hóa**

#### **1.4.1.1. Khái niệm**

Quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của CTQL (chủ thể quản lý) tới ĐTQL (đối tượng quản lý) nhằm đạt mục tiêu đã đề ra.

- Quan hệ thuận chiều là quan hệ tác động của CTQL đến ĐTQL. Quan hệ ngược chiều là tác động phản hồi từ đối tượng quản lý lên chủ thể quản lý.

QLNN về ĐTH là những tác động:

- Tăng trưởng dân số đô thị, mở rộng hạ tầng đô thị hóa và đô thị hóa.
- Phát triển và hoàn thiện các hình thức và điều kiện sống đô thị giữa các vùng, miền, giữa đô thị và nông thôn.
- Hình thành và phát triển các hệ thống định cư mới có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của dân cư, tạo điều kiện phát triển toàn diện của mỗi cá nhân...

Trong các hoạt động QLNN về ĐTH; CTQL là Nhà nước. ĐTQL là các tổ chức và người dân.

#### **1.4.1.2. Vai trò chức năng của Nhà nước về quản lý đô thị hóa**

NN chức năng: quyết định, đầu tư, điều tiết, hỗ trợ và tổ chức thực hiện.

### **1.4.2. Những nội dung và nhiệm vụ cơ bản QLNN về đô thị hóa**

Đô thị hóa diễn biến theo qui luật khách quan, chịu sự tác động chi phối của con người, sự tác động, quản lý và điều tiết của Nhà nước.

QLNN về ĐTH có các nội dung chủ yếu, cơ bản sau:

#### **1.4.2.1. Chỉ đạo tổ chức nghiên cứu và điều chỉnh định hướng đô thị hóa**

- Các quan điểm phát triển đô thị hóa
- Mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể của đô thị hóa
- Các định hướng phát triển ở một số lĩnh vực của đô thị.

#### **1.4.2.2. Chỉ đạo lập và QLQH tổng thể phát triển HTĐT quốc gia và vùng**

QHPT ngành, lĩnh vực, phân bố dân cư và lao động, giao thông và HTKT, hệ thống trung tâm và hạ tầng xã hội, môi trường thiên nhiên và cảnh quan.

*1.4.2.3. Chỉ đạo đầu tư và quản lý xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng QLXD (quản lý xây dựng) phát triển HTKT cần đáp ứng các mục tiêu:*

- Hỗ trợ đẩy mạnh và mở rộng sản xuất, lưu thông hàng hóa.
- Giảm bớt chi phí cho sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.
- Nâng cao mức sống của người dân cả đô thị và nông thôn.

*1.4.2.4. Chỉ đạo triển khai, quản lý xây dựng phát triển đô thị và nông thôn*

- Triển khai, quản lý, giám sát việc xây dựng nhiệm vụ thiết kế qui hoạch
- Quản lý, giám sát việc lập quy hoạch và triển khai thực hiện qui hoạch
- Triển khai, quản lý, giám sát việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên trong quá trình xây dựng phát triển đô thị và nông thôn.

- Quản lý và giám sát việc tuân thủ các qui định về an toàn định cư

- Quản lý tăng trưởng dân số của các đô thị.

*1.4.2.5. Tổ chức thực hiện quản lý BVMT và cảnh quan thiên nhiên*

- Quản lý và bảo vệ rừng, công viên, di tích, cảnh quan thiên nhiên...
- Phát triển bảo vệ cây xanh, nguồn nước, cảnh quan, môi trường đô thị.
- Đánh giá và lập kế hoạch bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên...
- Áp dụng các kỹ thuật công nghệ tiên tiến xử lý các chất thải, nhất là các chất thải độc hại. Ngăn chặn và giải quyết những hậu quả suy thoái môi trường do sản xuất, sinh hoạt gây ra.

*1.4.2.6. Tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm*

Thống nhất giữa các ngành, lĩnh vực, các địa bàn khu vực; phù hợp với Định hướng, qui hoạch tổng thể hệ thống đô thị và cư dân toàn quốc và các vùng địa phương; Nhà nước cần phải tiến hành thường xuyên kiểm tra, giám sát

**1.4.3. Những yếu tố chủ yếu tác động đến ĐTH và QLNN về đô thị hóa**

*1.4.3.1. Các yếu tố tác động đô thị hóa*

a. Các yếu tố thiên tự nhiên

Các yếu tố tự nhiên tạo ra sự thuận lợi và giảm chi phí đầu tư cho XDPT. Ở nước ta theo kết quả đánh giá về đất cho thấy những khu vực có điều kiện thuận lợi chiếm khoảng 37% diện tích đất cả nước. Tài nguyên thiên nhiên, tạo động lực ĐTH. Nước ta có nguồn tài nguyên đa dạng và phong phú, khai thác và chế biến để PT nhiều ngành CN và qua đó hình thành PT nhiều đô thị.

b. Vị trí địa lý và lợi thế so sánh

Vị trí địa lý và lợi thế so sánh có vai trò quan trọng tạo ra lợi thế mở rộng KTĐN (kinh tế đối ngoại), thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước, phát triển các ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ, mở rộng liên kết và hợp tác với các địa phương trong nước, với các nước trong khu vực và quốc tế.

c. Bối cảnh quốc tế và hội nhập kinh tế

Cách mạng KHCN đã và đang phát triển với trình độ ngày càng cao, trở thành LLSX (lực lượng sản xuất) quan trọng, tạo động lực phát triển...

Thông qua HNKT quốc tế, hợp tác phát triển, nhiều vấn đề của thời đại như bùng nổ dân số, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh và đô thị hóa đã trở thành những vấn đề của toàn cầu...

#### d. Chính sách và cơ chế phát triển

Đường lối "Đổi mới" do Đảng ta khởi xướng và theo đó là các chính sách, cơ chế mở cửa, đa dạng hóa các quan hệ hợp tác quốc tế.

##### 1.4.3.2. Các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về đô thị hoá

Hệ thống VBPL (văn bản pháp luật), QHPT hạ tầng đô thị và nông thôn, tổ chức bộ máy, cơ chế chính sách phát triển quản lý, đào tạo tuyển dụng và chính sách đãi ngộ, cơ sở vật chất kỹ thuật, kiến thức pháp luật và ý thức chấp hành của người dân, hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm...

### 1.5. Tổng quan kinh nghiệm của các nước trên thế giới

Đô thị hóa là một quá trình phát triển có cả mặt tích cực và tiêu cực, có ảnh hưởng đến sự phát triển KT-XH của mỗi quốc gia. Khai thác mặt tích cực, hạn chế tiêu cực, nhiều nước trên thế giới đã có cách làm tốt và có nhiều bài học kinh nghiệm: QH tổng thể phát triển HTĐT quốc gia, vùng; hợp tác vùng, liên vùng đô thị; Tiếp cận giải quyết tổng thể đồng bộ các vấn đề PT ĐT; kết hợp nhà nước và khu vực tư nhân; phân công và phân cấp trách nhiệm; xây dựng tài chính đô thị mạnh; Đẩy mạnh CNH-HĐH nông thôn; ưu tiên đầu tư phát triển KCHT; xây dựng thể chế và chính quyền đô thị tự quản v.v...

#### Kết luận chương 1

1. Đô thị hóa là một quá trình phát triển của các hình thức định cư và cách thức, điều kiện sống đô thị và theo kiểu đô thị.

2. Nội hàm KT-XH, các điều kiện và phương hướng phát triển ĐTH do phương thức sản xuất và phương thức sống của mỗi hình thái xã hội xác định. ĐTH là một quá trình phát triển mang tính KT-XH và lịch sử.

3. ĐTH diễn ra theo 3 giai đoạn tùy theo động lực và mức độ phát triển của ĐTH; ĐTH tiền CN, ĐTH CN và ĐTH hậu CN (đô thị hóa dịch vụ).

Lộ trình ĐTH phát triển theo 2 hướng trong không gian là hướng tâm và ly tâm. Thường diễn ra tuần tự ở giai đoạn đầu và cuối của quá trình ĐTH song cũng có thể đồng thời tùy theo sự tác động điều tiết quá trình đô thị hóa.

4. ĐTH có mối quan hệ mật thiết với CNH - HĐH, trong đó CNH - HĐH là động lực của ĐTH, còn ĐTH là hệ quả, tác động hỗ trợ và đẩy mạnh CNH - HĐH phát triển. CNH diễn ra, đều kéo theo đô thị hóa.

5. QLNN về ĐTH là sự tác động của Nhà nước; phục vụ các mục tiêu phát triển KT-XH; nâng cao đời sống dân cư và xoá bỏ dần những sự cách biệt giữa vùng miền, giữa đô thị và nông thôn, BVMT sinh thái, cảnh quan thiên nhiên trên lãnh thổ quốc gia và các vùng địa phương.

6. QLNN về ĐTH là những định hướng về pháp luật, xây dựng các cơ chế chính sách, xác lập qui hoạch phát triển cư dân, tổ chức đầu tư xây dựng, phát triển đô thị nông thôn, kiểm soát sự phát triển và xử lý vi phạm.

7. Có nhiều yếu tố tác động đến ĐTH và hiệu quả QLNN về ĐTH, nhưng chủ yếu là các điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý và lợi thế, bối cảnh quốc tế, MTPL; chất lượng qui hoạch phát triển HTĐT và DCNT; cơ chế chính sách đầu tư xây dựng và phát triển; tổ chức bộ máy quản lý và chất lượng nguồn nhân lực; sự hợp tác của cộng đồng...

## Chương 2

### THỰC TRẠNG ĐÔ THỊ HÓA VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÔ THỊ HÓA Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

#### 2.1. Đặc điểm hình kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên

##### 2.1.1. Đặc điểm tình hình

Tỉnh Thái Nguyên có diện tích đất tự nhiên là 3.541,67 km<sup>2</sup>; với dân số là 1.127,380 người; có vị trí địa lý nằm ở phía Bắc và tiếp giáp với thủ đô Hà Nội. Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Kạn, phía đông giáp tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang; phía Nam giáp Hà Nội, phía Tây giáp Vĩnh Phúc và Tuyên Quang.

##### 2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Thái Nguyên có thời các Vua Hùng, trải qua sự thăng trầm của lịch sử, qua các triều đại và các cuộc kháng chiến đến nay tỉnh Thái Nguyên có 9 đơn vị hành chính: TP Thái Nguyên là ĐT loại II, thị xã Sông Công là ĐT loại IV, 7 huyện: Định Hóa, Võ Nhai, Phú Lương, Đại Từ, Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình và có 180 xã, phường, thị trấn (trong đó 23 phường và 13 thị trấn).

##### 2.1.3. Tổng quan kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên

###### 2.1.3.1. Phát triển kinh tế

Thái Nguyên là một tỉnh có nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú. Là tỉnh hình thành sớm các KCN ở thập kỷ 1960 có nhiều lợi thế nhưng chưa phát huy được tiềm năng vốn có của tự nhiên. Đến nay kinh tế Thái Nguyên đã đạt được những thành tựu quan trọng. Tăng trưởng hàng năm cao hơn mức bình quân của cả nước. CCKT chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng CN, DV, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

###### a. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Công nghiệp của Thái Nguyên qua các thời kỳ phát triển có lúc thăng lúc trầm, nhưng cơ bản Thái Nguyên là một tỉnh có tư duy công nghiệp sớm.

Những thập niên gần đây; tăng trưởng giá trị SXCN đạt khá, nhịp độ tăng trưởng bình quân 5 năm của thời kỳ 2000-2005 là 17,1%, 2006 - 2009 là 19,71. Tỷ trọng CN-XD trong GDP chiếm 30,4% (năm 2000) lên 38,64 (2005) và 43,6 (2009), giá trị SXCN đạt trên 12.500 tỷ đồng.

###### b. Thương mại, dịch vụ

Dịch vụ, thương mại thuộc các thành phần kinh tế ở trong giai đoạn 2001-2010 tỷ trọng trong GDP khoảng 35-37%, dự báo tương lai tới sẽ PT mạnh.

###### c. Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản

Nông nghiệp Thái Nguyên chuyển dịch mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa và phát huy thế mạnh đồi rừng, cây công nghiệp và chăn nuôi.

###### d. Xây dựng cơ bản

Các hoạt động xây dựng cơ bản như giao thông, xây dựng, phát triển hệ thống điện lực, cấp thoát nước, bưu chính viễn thông được phát triển theo quy hoạch của hệ thống ngành và có mức tăng trưởng khá.

###### 2.1.3.2. Phát triển văn hóa, xã hội

###### a. Phát triển giáo dục, đào tạo

Ngoài hệ thống giáo dục phổ thông; với tổng số 641 trường của các cấp học. Thái Nguyên còn là trung tâm đào tạo lớn thứ 3 trong cả nước. Hiện tại có 8 trường Đại học, 24

trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp dạy nghề với tổng số học sinh trên 130.000 sinh viên.

#### b. Phát triển Y tế

Thái Nguyên có 422 cơ sở y tế. Trên địa bàn tỉnh có 20 bệnh viện, 19 phòng khám đa khoa, 180 trạm y tế xã phường (bình quân 1,13 BS/xã), 7 đơn vị y tế dự phòng. Tổng số giường bệnh; năm 2000 là 3.296, đến năm 2009 là 3.695 với số cán bộ y tế năm 2000 là 2.293, đến năm 2009 là 2.951 người. Ngoài ra còn hàng trăm cơ sở y tế khác của các đơn vị, nhà máy, xí nghiệp và 400 cơ sở hành nghề Y - Dược ngoài nhà nước...

#### c. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao

- Về văn hóa; Thái Nguyên có bản sắc văn hóa của nhiều dân tộc hội tụ...

- Về thể dục thể thao; có nhiều thành tích cao và các thiết chế hoạt động...

### 2.2. Tổng quan đô thị hoá tỉnh Thái Nguyên

#### 2.2.1. Phát triển hệ thống đô thị

Trước Cách mạng Tháng Tám, Thái Nguyên là Thủ phủ của Chính quyền dưới chế độ thực dân. Có một đô thị tinh ly và vài thị trấn với qui mô nhỏ.

Sau Cách mạng Tháng Tám, chính quyền tỉnh Thái Nguyên được thành lập. Năm 1965, 1997 hai lần sát nhập chia tách tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Năm 1998 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 10/1998/QĐ-TTg phê duyệt các đơn vị hành chính tỉnh Thái Nguyên có 9 đơn vị hành chính cấp huyện. 1 thành phố, 1 thị xã và 13 thị trấn, 25 điểm dân cư kiểu đô thị (thị tứ).

#### 2.2.2. Tăng trưởng dân số đô thị và đô thị hóa

Trước năm 1945, có một số thị trấn với vài nghìn dân cư. Năm 1954 do phát triển CN nên ĐTH và DSĐT tăng nhanh. 60.000 người (năm 1962), 150 nghìn người (năm 1985), 270.710 (năm 2005) và 291.770 (01/4/2009).

Năm 1991 DSĐT tỉnh Bắc Thái là 254.047 người chiếm tỷ trọng 26,92% DS toàn tỉnh. Sau khi tách tỉnh tỷ lệ ĐTH là 21,34% (1999). Đến năm 2005 đã tăng dần lên 24,79% và đến 01/4/2009 là 25,89% (cả nước là 29,6%).

#### 2.2.3. Đất xây dựng đô thị và mở rộng không gian đô thị hóa

a. Vùng núi, vùng cao gồm; huyện Võ Nhai, Phú Lương, Định Hóa, Đại Từ, Đồng Hỷ. Vùng này có diện tích đất đai khoảng 3/4 và DS khoảng 50% so với toàn tỉnh. Đây là vùng KT NLN. CN PT chậm, tỷ lệ ĐTH thấp và hiện nay đang QH các khu CCN, TTCN trong tương lai ĐT sẽ PT và DS phi NN sẽ tăng.

b. Vùng đất thấp gồm TP Thái Nguyên, TX Sông Công, huyện Phú Bình và Phổ Yên; tổng diện tích chiếm khoảng 1/4 và DS khoảng 50% so với toàn tỉnh. Là vùng KT và ĐTH PT tương đối cao, có nhiều ĐT xen kẽ với NT. Trong tương lai phát triển có nhiều lợi thế về đất đai và mở rộng không gian đô thị.

### 2.3. Thực trạng quản lý nhà nước về đô thị hoá ở Thái Nguyên

#### 2.3.1. Xây dựng định hướng đô thị hoá và phát triển hệ thống đô thị

Quyết định số 58/QĐ/TTg Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tổng thể KT-XH và mục tiêu nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII đến năm 2020 Thái Nguyên trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại. Tỉnh sẽ cụ thể hóa xây dựng các định hướng phát triển HTĐT và ĐTH phù hợp với tiến trình CNH-HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế.

#### 2.3.2. Chỉ đạo tổ chức lập và kiểm soát thực hiện QHXD PT và ĐTNT

### *2.3.2.1. Quy hoạch xây dựng các đô thị*

#### *a. Quy hoạch chung(QHC) xây dựng đô thị*

Trong số 15 ĐT; 12 ĐT đã có QH và điều chỉnh QHC xây dựng được duyệt. Nhiều trung tâm xã, cụm xã cũng đã lập QHC và tiến hành được điều chỉnh.

#### *b. Quy hoạch chi tiết (QHCT) xây dựng đô thị*

Hiện tại Thái Nguyên mới lập QHCT XD được khoảng hơn 20% đất ĐT, tiếp tục đẩy mạnh công tác lập QHCT XD các KCN, DV, ĐT, DC, ĐTXD nhà ở, giao thông, phát triển CN, DV, hạ tầng và MTĐT trên địa bàn.

### *2.3.2.2. Quy hoạch xây dựng nông thôn*

Đến nay 20 trong tổng số 25 thị tứ trung tâm xã, cụm xã đã được lập QHC, QHCT khu trung tâm để quản lý và triển khai xây dựng. Phục vụ cho CNH-HĐH NN và NT. Cần tiến hành lập quy hoạch phân bố điểm dân cư, hoạch định quỹ đất, tạo cơ sở xây dựng các công trình cơ sở HTKT như giao thông, hệ thống cung cấp điện, cấp thoát nước và VSMT, hệ thống kho tàng, trạm trại và các công trình HTXH để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt ở nông thôn.

### *2.3.3. Tổ chức triển khai quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn*

Đến năm 2009 Thái Nguyên có hơn 60 đề án QHCT các khu chức năng và 27 dự án đầu tư như QHXD như Đại học Thái Nguyên, khu trung tâm hành chính của tỉnh, khu đô thị mới, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật...

Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, một số đề án dự án, cần phải điều chỉnh để phù hợp với chức năng, vai trò của đô thị trung tâm...

### *2.3.4. Xây dựng cơ chế chính sách phát triển đô thị, nông thôn*

Cải cách thủ tục hành chính thu hút đầu tư, cơ chế bồi thường giải phóng mặt bằng, quy trình lập và phê duyệt đề án QHXD đô thị, cơ chế chính sách ưu đãi, kêu gọi, lựa chọn và quản lý đầu tư, phát triển CSHT (cơ sở hạ tầng)...

### *2.3.5. Giám sát, kiểm tra và điều tiết tăng trưởng đô thị*

Chính quyền các cấp thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra và điều tiết đảm bảo cho tăng trưởng đô thị và đô thị hóa phát triển bền vững.

## **Kết luận chương 2**

Thái Nguyên có lợi thế để PT CNH và ĐTH song do điểm xuất phát KT thấp, nên ĐTH cũng ở mức thấp (2009 cả nước là 29,6%; Thái Nguyên là 25,89%). 10 năm trở lại đây, ĐTH có tăng nhưng tốc độ chậm. Số lượng ĐT còn ít, mật độ ĐT và DC thưa và phân bố chưa đồng đều. Nhiều ĐT được hình thành và PT chủ yếu trên cơ sở chức năng hành chính và chuyên ngành. DV, TM còn nhỏ yếu và chất lượng ĐT còn hạn chế. Quy mô DSĐT chưa cao, HTKT chưa đồng bộ, chưa phát huy vai trò làm động lực PT của vùng v.v...

## **Chương 3**

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG THỨC TÁC ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA QLNN VỀ ĐTH Ở TỈNH THÁI NGUYÊN TRONG TIẾN TRÌNH CNH - HĐH VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ - QUỐC TẾ**

#### **3.1. Định hướng đô thị hóa và phát triển hệ thống đô thị**

##### **3.1.1. Định hướng ĐTH và phát triển HTĐT Việt Nam đến 2025**

###### **3.1.1.1. Định hướng tăng trưởng dân số đô thị và đô thị hoá**

a. Tăng trưởng dân số đô thị và đô thị hóa; năm 2010 là 30,4 triệu người-tỷ lệ đô thị hóa 33%, tương ứng 2015; 35-38. 2020; 44-45. 2025; 52-50.

b. Mức tăng số lượng và các loại ĐT; năm 2008, có 740 ĐT với 2 ĐT đặc biệt, 4 ĐT loại I, 13 ĐT loại II, 42 ĐT loại III, 38 ĐT loại IV và 641 ĐT loại V.- DB: 2015; 870-2- 9-23-65-79 và 687. 2025; 1000-2-17-20- 81- 122 và 760.

c. Mức tăng đất xây dựng đô thị

Năm 2010; đất xây dựng đô thị; 243.200 ha, chiếm 0,74% diện tích đất cả nước, bình quân 80m<sup>2</sup>/người, tương ứng các năm 2015; 335.000 - 1,06 - 95, 2020; 400.000 - 1,3 - 90, 2025; 450.000 - 1,4% - 85.

d. Mức phát triển hạ tầng kỹ thuật.

Giao thông: Đất XD giao thông tại các đô thị loại II trở lên chiếm 20 - 26%; các ĐT trung bình và nhỏ 15 - 20% đất XDĐT và các lĩnh vực khác...

### *3.1.1.2. Định hướng phát triển HTĐT Việt Nam đến năm 2025*

a. Định hướng chung phát triển hệ thống đô thị Việt Nam:

- Phù hợp với các yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước từng giai đoạn.
- Phát triển 6 vùng KTXH; Bắc, Trung, Nam, Đông và Tây lãnh thổ gắn với PT các cực tăng trưởng kinh tế. Đến 2015, ưu tiên PT các vùng KT trọng điểm, ĐT lớn; 2015 - 2025 ưu tiên PT các vùng ĐTH cơ bản và giảm thiểu sự PT phân tán cục bộ; từ 2025 - 2050 phát triển mở rộng theo mạng lưới đô thị.

b. Định hướng cụ thể

- Mạng lưới ĐT hình thành và phát triển trên cơ sở các ĐT trung tâm các cấp từ cấp quốc gia đến trung tâm các khu cụm dân cư nông thôn.
- Các ĐT trung tâm phân bố hợp lý trên 6 vùng KT-XH hội quốc gia.
- Các ĐT lớn, cực lớn QH và phát triển theo mô hình vùng đô thị...

### *3.1.2. Định hướng phát triển HTĐT và ĐTH vùng trung du miền núi Bắc Bộ Việt Nam đến năm 2025*

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ gồm 14 tỉnh được phân làm 3 tiểu vùng, bao gồm: Vùng núi Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ.

Trong đó: Vùng núi Đông Bắc Bộ gồm Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Giang. Thành phố Thái Nguyên là trung tâm...

### **3.2. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020**

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số: 58/2007/QĐ-TTg ngày 04/05/2007 phê duyệt qui hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Thái Nguyên đến 2020 với các định hướng cơ bản sau:

Phát triển KT-XH nhanh, hiệu quả và bền vững đi đôi với thực hiện tiên bộ, công bằng XH và BVMT; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, giảm dần khoảng cách giàu, nghèo giữa các vùng... đẩy nhanh tốc độ ĐTH; phát triển mạng lưới ĐT và điểm dân cư tập trung kiểu ĐTHĐ, gắn với vành đai NT PT theo hướng văn minh, bền vững và bảo tồn được các giá trị văn hoá làng, bản; kết hợp đồng bộ giữa PTSX (phát triển sản xuất) với PT KCHT (kết cấu hạ tầng) trên tất cả các vùng, khu vực trên địa bàn tỉnh, kết hợp chặt chẽ giữa PT KT-XH với củng cố QP-AN XD hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Các chỉ tiêu tăng trưởng cụ thể: GDP 2006-2010 từ 11-12%, 2011-2015; 12-13% và 2016-2020 là 12-12,5%. GDP ngành 2006-2020 tăng là: NN 5-5,5; CN 13,5 - 14,5; DV 12,5-13,5%. GDP bình quân người năm 2010 trên 950 USD, 2015; 1300-1400 USD, 2020; 2200-2300 USD.

- Chuyển dịch CCKT: năm 2010: CN 45%, DV 38-39%, NN 16-17%; năm 2015 tương ứng, 46-47, 39-40, 13-14; năm 2020 là 47-48, 42-43, 9-10.

- Kim ngạch xuất khẩu; năm 2010; 65-66 triệu USD, 2015; 132 triệu USD, 2020; 250 triệu USD. Tốc độ tăng xuất khẩu 2006-2020 là 15-16%.

- Thu ngân sách: năm 2010 là 2000 tỷ VNĐ, 2015; 4500-5500, 2020; 10.000 - 12.500 tỷ VNĐ. Tốc độ tăng trung bình là 20% /năm.

- Về giáo dục; phổ cập THPT cho 95% (đô thị) và 85% (nông thôn) dân số trong độ tuổi đi học; kiên cố hoá toàn bộ trường lớp; mỗi huyện có ít nhất từ 3 trường trung học phổ thông.

- Về y tế đảm bảo đủ cơ sở khám, chữa bệnh và nhân viên y tế; phần đầu tăng tuổi thọ trung bình lên 72 tuổi vào năm 2010 và 75 tuổi vào 2020.

- Giải quyết việc làm giai đoạn 2006-2010 mỗi năm là: 15.000 người, 2011-2020; từ 12.000-13.000 người. LE qua đào tạo năm 2010; từ 38-40%, 2020; từ 68-70%. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2015; còn 15%, 2020; còn 2,5-3%, chỉ số phát triển con người năm 2010 là 0,7. Năm 2020 là 0, 8.

- Nước sạch đáp ứng cho 90% hộ gia đình vào năm 2010 và 100% năm 2020 số hộ gia đình số hộ gia đình được sử dụng.

- 100% số hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia vào năm 2010.

### **3.3. Một số giải pháp chủ yếu hoàn thiện QLNN về ĐTH ở tỉnh Thái Nguyên trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế**

#### **3.3.1. Mục tiêu hoàn thiện các giải pháp**

- a. Những tác động của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế
- b. Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội
- c. Nâng cao đời sống nhân dân và thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền, giữa ĐT và NT về điều kiện sống
- d. Phát triển đô thị hóa bền vững

#### **3.3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về đô thị hóa**

##### **3.3.2.1. Xây dựng định hướng đô thị hoá đến năm 2020**

- a. Các quan điểm đô thị hoá
- b. Các mục tiêu đô thị hoá

##### **\* Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng HTĐT của tỉnh có CSHT KT-XH và kỹ thuật đồng bộ, MTĐT trong sạch, phân bố và phát triển hợp lý trên địa bàn, đảm bảo mỗi đô thị phát triển ổn định, cân bằng và bền vững, góp phần đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước. Nâng cấp các đô thị hiện có, xây dựng TP Thái Nguyên trở thành đô thị cấp vùng; đô thị loại I vào năm 2010, TX Sông Công thành đô thị loại III trước năm 2011. Phát triển các thị trấn, thị tứ ở các huyện, xã miền núi.

##### **\* Mục tiêu cụ thể**



- Phát triển các đô thị hạt nhân gắn với VKT động lực và VKT chuyên ngành. Trước năm 2015 tập trung phát triển TP Thái Nguyên và TX Sông Công. Sau 2015 phát triển lan tỏa ra các thị trấn, nâng cấp các thị trấn Đại Từ, Ba Hàng, Đu và Chùa Hang lên đô thị loại IV vào trước năm 2020.

- Đầu tư XDHT HTKT, chỉnh trang các thị trấn: Bãi Bông, Hương Sơn, Quân Chu, Trại Cau, Sông Cầu, Giang Tiên, Chợ Chu, Quán Vuông và Đình Cả.

- Điều chỉnh QHXD TP Thái Nguyên, PTXD khu trung tâm hành chính mới của tỉnh, mở rộng không gian ĐT TP Thái Nguyên về phía tây khai thác quỹ đất và cảnh quan thiên nhiên của KDL Hồ Núi Cốc, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của công cuộc CCHC và HĐH nhà nước của tỉnh.

- XD mới: Yên Bình trở thành ĐT loại II, dân số khoảng 250.000 người, thị trấn; La Hiên, Quang Sơn, Núi Cốc và một số ĐT mới nằm trong các KCN được Thủ tướng Chính phủ công nhận (Nam Phổ Yên, Tây Phổ Yên và Diềm Thụy).

- Xây dựng các trung tâm cụm xã, các thị tứ mới tại những vùng tập trung dân cư có lợi thế về giao thông, đất đai, làng nghề, vùng cây đặc sản. Đến năm 2020 toàn tỉnh xây dựng xong 25 trung tâm xã và cụm xã.

c. Các động lực đô thị hoá và phát triển hệ thống đô thị

\* *Các tiền đề đô thị hoá và phát triển hệ thống đô thị*

\* *Các động lực phát triển đô thị hóa và hệ thống đô thị.*

Động lực phát triển HTĐT là phát triển các ngành kinh tế chủ yếu: CN, DV...phát triển KHCN, đào tạo, kết cấu HT. Phát triển KTCN đóng vai trò trọng yếu, ảnh hưởng lớn nhất đến khả năng ĐTH và quy mô dân số đô thị.

d. Dự báo tăng trưởng dân số đô thị và đô thị hoá đến năm 2020

\* *Dân số toàn tỉnh:* Quy mô DS toàn tỉnh dự báo thời kỳ 2006 - 2020 là: năm 2009; 1.127.380 người, 2015; 1.307.750 người, 2020; 1.529.840 người.

\* *Dân số đô thị và đô thị hoá*

Tăng trưởng DSĐT và ĐTH của tỉnh đến 2020 trên cơ sở dự báo LĐ toàn tỉnh (xem Bảng 3.3 trong luận án).

- Để đạt được các mục tiêu bố trí LĐ làm việc, thì phải có KH sử dụng 3.420 ha đất CN của tỉnh đến năm 2020 được lấp đầy, với khả năng thu hút LĐ trung bình đạt 80 người/ha (cả nước hiện nay chỉ thu hút được 30 LĐ/ha). Muốn vậy phải PT các loại hình CN có khả năng thu hút LĐ lớn và DB 60% LĐCN được thu hút vào khu vực ĐT, 40% LĐ được thu hút vào khu vực NT.

- DB DSĐT của tỉnh đến 2015 ; 457.700 người, tỷ lệ ĐTH đạt 35% (không kể vắng lai, LLLĐ tham gia vào các ĐT theo hình thức di trú), năm 2020 ; là 734.400 người, tỷ lệ ĐTH đạt 48% (xem Phụ lục 3 trong luận án).

Đây là phương án đề xuất, định hướng PT HTĐT và KDC NT. Phương án này, phải tập trung cao tiềm lực để đầu tư XD các KCN, TM, DV, DL...

- Phát triển các vùng, SPNN mang tính hàng hoá, tạo nguyên liệu PTCN.

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh.

3.3.2.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, pháp quy

1. Cấp Trung ương; XD và ban hành một số luật mới nhằm hoàn thiện đồng bộ HTPL cho QLĐT, XD, PT ĐTH và Nông thôn: Luật Tổ chức không gian lãnh thổ v.v...

## 2. Cấp tỉnh

a. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản đang thực thi của tỉnh Thái Nguyên đang hiện hành (xem trong Luận án)

### b. Ban hành văn bản mới

- Quy định QLQH vùng tỉnh, huyện, TP, TX, DCNT và trung tâm xã, cụm xã.
- Quy định về QH không gian lãnh thổ trong quá trình đô thị hóa.
- Quy định về Phân cấp QLĐT cho chính quyền các đô thị.
- Quy định phân cấp QL và phát triển HTĐT và ĐTH trên địa bàn tỉnh.
- Quy định QLNN các bước tiến hành ĐTH cho một ĐT khi ra đời ở tỉnh.
- Phân cấp QLQH, XD các KCN, CCN và làng nghề trong quá trình ĐTH.
- Qui định quản lý các công trình cụ thể, đặc thù

### 3.3.2.3. *Đổi mới và hoàn thiện các cơ chế chính sách XD PT ĐTNT*

Cơ chế chính sách xây dựng phát triển ĐTNT cũng là cơ chế chính sách thúc đẩy ĐTH. Nhà nước đổi mới và hoàn thiện các cơ chế chính sách tạo động lực phát triển ĐTNT và ĐTH: Cơ chế chính sách đầu tư huy động vốn; tài chính tín dụng; XD CSHT, nhà ở và đất đai; QHKT; MT; QL ĐTNT; đặc thù PTĐT; đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực; xã hội hoá XD PTĐT và NT v.v...

Cần tập trung vào đổi mới và hoàn thiện một số cơ chế chính sách sau:

- Tạo vốn và đa dạng hoá các nguồn vốn trên cơ sở sử dụng hiệu quả nguồn vốn nhà nước, các nguồn vốn trong nước và nước ngoài vào mục đích phát triển cơ sở hạ tầng đô thị nông thôn.

- Tạo ra các nguồn thu và hình thành phát triển quỹ phát triển cơ sở hạ tầng.

- Mô hình QLPT vùng cũng như các VĐT lớn, VKT trọng điểm, vùng tỉnh, nhằm đảm bảo các mối liên kết, sự phối hợp trong PT KT-XH, ĐTNT, BVMT.

- PTĐT (phát triển đô thị) và XDNT (xây dựng nông thôn) mới trong các lĩnh vực QH, nhà, đất, đầu tư, XD, QL khai thác sử dụng các công trình HTKT đô thị.

Để đẩy nhanh tốc độ ĐTH, XD PTĐT và XDNT mới phục vụ các mục tiêu PT KT-XH, đẩy mạnh tiến trình CNH-HĐH v.v...tỉnh phải tiến hành nghiên cứu sửa đổi bổ sung và hoàn thiện cũng như XD các cơ chế chính sách:

#### a. Đổi mới và hoàn thiện các cơ chế chính sách đang thực thi

- Quyết định số 1205/2007/QĐ-UBND ngày 22/6/2007. Ban hành một số biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi và bảo đảm đầu tư trực tiếp của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 31/10/2007. Ban hành danh mục, dự án vận động đầu tư vào tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2007-2015.

- Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 15/01/2007. Ban hành Quy định về đơn giá thuê đất trong KCN Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 01/4/2009. Ban hành Quy định về giá dịch vụ nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b. Xây dựng các cơ chế chính sách mới phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh Thái Nguyên

### 3.3.2.4. Tổ chức lập và triển khai qui hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh

- Phân bố và PT HTĐT phù hợp với QH PT KT-XH, QHPT các ngành, lĩnh vực, phù hợp với sự phân bố và trình độ PT của LLSX, phát huy các tiềm năng, lợi thế của mỗi vùng, địa phương v.v...

- Phân bố hợp lý hệ thống các ĐT trung tâm trong một HTĐT trung tâm nhiều cấp để tạo sự thuận lợi cho cuộc sống DCĐT và NT, đáp ứng tốt nhất các nhu cầu và nguyện vọng của DC trong một hệ thống cư dân thống nhất.

- Hướng sự PT của ĐTH và HTĐT theo mục tiêu hài hoà, hợp lý, cân bằng phát triển giữa các vùng, phù hợp với đặc thù của từng vùng, BVMT, cảnh quan thiên nhiên, luôn luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Hướng QHXD PT các ĐT và thị tứ trung tâm xã, cụm xã đến năm 2020.

- Vùng ĐTH cao bao gồm TP Thái Nguyên, TX Sông Công các huyện Đại Từ, Phổ Yên, huyện Đông Hỷ và huyện Phú Bình. Vùng này không những có nhiều ĐT cấp tỉnh mà mật độ thị trấn/ huyện cao nhất tỉnh

- Vùng ĐTH thấp: bao gồm các huyện phía Bắc, Tây Bắc của tỉnh là, Định Hoá, Phú Lương và Võ Nhai với mỗi huyện 1-2 thị trấn.

Hiện nay tỉnh có 15 ĐT, 25 thị tứ. Đến năm 2020 sẽ có 18-20 ĐT và có thêm 25-27 thị tứ phân bố tương đối đều ở các huyện.

### 3.3.2.5. Hoàn thiện bộ máy, tăng cường quản lý nhà nước về đô thị hoá

*Ở cấp Trung ương:* Cần hoàn thiện chức năng và tổ chức của Viện QH ĐTNT, Bộ Xây dựng, trong đó có bộ phận nghiên cứu về qui hoạch lãnh thổ và QH vùng. Củng cố và hoàn thiện bộ phận nghiên cứu về QHXD nông thôn.

Đặc biệt nên thành lập viện nghiên cứu QLNN về ĐTH và ĐTNT tại Học viện hành chính, để nghiên cứu những vấn đề liên quan của QLNN đến đô thị.

*Ở cấp tỉnh:* thành lập Viện QH vùng - ĐTNT. Bộ phận này nghiên cứu tư vấn QH phát triển HTĐT vùng tỉnh, Viện QHXD-ĐTNT hiện nay nhập với QH vùng trực thuộc UBND cấp tỉnh...

### 3.3.2.6. Tăng cường đầu tư XDPT và QL các công trình kết cấu HTKT

Hạ tầng kỹ thuật đã trở thành một trong những tiêu chí rất quan trọng thu hút đầu tư vào các lĩnh vực KT-XH, cần nâng cấp và XD HT CSHT kỹ thuật:

*Các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, các tuyến đường sắt, đường thuỷ. Các công trình hạ tầng kỹ thuật khác...*

### 3.3.2.7. Đẩy mạnh công tác bảo vệ và quản lý và khai thác môi trường, cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo đô thị hóa bền vững

- Đánh giá phân loại, sắp xếp và xử lý các nguồn ô nhiễm trong các đô thị, lập các dự án xử lý chất thải. XD các cơ chế kiểm soát các chất thải, phê duyệt các dự án ĐTXD nhất thiết phải thẩm định và đánh giá tác động môi trường. Đánh giá và lập KH sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên vào xây quá trình CNH-HĐH và XD ĐTNT hạn chế tối đa những biến cố và sự cố do thiên nhiên hoặc công nghệ gây ra.

- Áp dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại vào xử lý các vấn đề về môi trường.

- Đẩy mạnh phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tăng tỷ lệ diện tích xây xanh...

*Đối với tỉnh Thái Nguyên trong những năm tới đến 2020 và sau đó cần thực hiện các nhiệm vụ sau:* Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, nguồn nước mặt. Thu gom xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn, xây dựng các nghĩa trang.

*3.3.2.8. Tăng cường kết hợp Trung ương và địa phương, Nhà nước và khu vực tư nhân, đẩy mạnh xã hội hóa XDPT đô thị - nông thôn*

Cần kết hợp các phương thức: ĐTH từ trên xuống là nhờ vào đầu tư, hỗ trợ và giúp đỡ của Nhà nước trung ương vào XDPT ĐT và HĐH nông thôn.

ĐTH từ dưới lên, đặc biệt là đối với các đô thị vừa và nhỏ là sự phát triển dựa trên sự tăng trưởng nội sinh hay nội tại mà không có hoặc có ít sự đầu tư từ Chính phủ trung ương. Vốn đầu tư và các nguồn lực chủ yếu là của chính quyền địa phương, các doanh nghiệp, tập thể, tư nhân và cộng đồng dân cư ở địa phương.

*\* Trung ương cần hỗ trợ địa phương*

- Cơ chế chính sách để phát huy lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên: sử dụng đất đai đồi núi trung du vào quá trình CNH-HĐH, phát triển ĐTNT, hạn chế sử dụng đất NN ở các vùng đồng bằng, đảm bảo an ninh lương thực.

- Đầu tư phát triển kết cấu HTGT để liên kết các vùng KT trọng điểm với Thủ đô Hà Nội, tạo ra sức hút về ĐT PTSX, thúc đẩy KDDV.

- Cho phép thực hiện cơ chế QLKT, huy động, sử dụng các nguồn TNKS hiệu quả vào quá trình PT KT-XH của đất nước và HNKT quốc tế.

*\* Chính quyền tỉnh Thái Nguyên cần huy động*

- Cụ thể hóa những cơ chế chính sách đặc thù được Chính phủ cho phép, XD và ban hành các quy định của địa phương, giúp cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước có điều kiện để phát huy các nguồn lực ĐT XDPT.

- Tạo MT thông thoáng về đất đai, công tác BT GPMB, CCHC, các thủ tục cấp phép ĐT, XD các dự án, công tác QH, đào tạo cung cấp nguồn nhân lực phục vụ cho yêu cầu của các nhà đầu tư.

- XD các cơ chế chính sách PT HTĐT hợp lý, kết hợp chặt chẽ cả hai phương thức ĐTH từ trên xuống và từ dưới lên với đặc thù, đặc điểm của tỉnh trung du miền núi, phát huy các yếu tố có lợi, tiến hành CNH, HĐH và ĐTH sớm đưa Thái Nguyên trở thành tỉnh CN hiện đại trước năm 2020.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, tăng cường thu hút sự tham gia của cộng đồng các dân tộc vào quá trình QH, XDPT và QL ĐTNT, thu hút tối đa các nguồn lực từ thị trường trong và ngoài nước.

### **Kết luận chương 3**

Mục tiêu của tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, tỷ lệ ĐTH của tỉnh sẽ đuổi kịp và vượt tỷ lệ ĐTH bình quân chung của cả nước.

1. Xây dựng định hướng ĐTH của tỉnh Thái Nguyên phù hợp với các mục tiêu PT KT-XH, phát huy các tiềm năng lợi thế, phục vụ cho bứt phá tăng trưởng KT của tỉnh. Tốc độ tăng DSĐT và ĐTH cần phải được đẩy mạnh hơn, phấn đấu đến năm 2015 đạt tỷ lệ ĐTH 35-38% và năm 2020 là 45 - 48%.

2. QH PT HTĐT phù hợp với phân bố và trình độ PT của LLSX trên địa bàn tỉnh, phục vụ mục tiêu chuyển dịch cơ cấu KT và LĐXH theo hướng CN, DV, tăng thu nhập và nâng cao đời sống của nhân dân, tạo điều kiện để các địa phương trên các địa bàn trong tỉnh đều PT. Phát triển HTĐT từ 15 ĐT hiện nay sẽ tăng lên 18-20 ĐT vào năm năm 2020. TP Thái

Nguyên sẽ lên ĐT loại I vào năm 2010, TX Sông Công lên ĐT loại III vào năm 2011, các thị trấn Đại Từ, Ba Hàng, Đu và Chùa Hang lên ĐT loại IV năm 2015. Thành lập các ĐT mới Yên Bình, thị trấn La Hiên, Quang Sơn, Núi Cốc. XD khoảng 25 thị tứ, trung tâm xã, cụm xã ở tất cả các huyện.

3. Tổ chức triển khai các hoạt động lập qui hoạch XD phát triển ĐTNT và kiểm soát QH phát triển ĐTNT sau khi được phê duyệt.

4. Hoàn thiện cơ chế chính sách về ĐTH; XD PTĐT, NT, nhất là các cơ chế chính sách huy động vốn, chính sách đất đai, chính sách BT GPMB, các chính sách ưu đãi ĐTXD KCHT và chính sách khai thác tài nguyên và BVMT.

5. Đẩy mạnh đầu tư PT, nâng cấp và HĐH kết cấu HTKT, nhất là giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy phục vụ mục tiêu PT KT-XH và thúc đẩy tiến trình ĐTH trên địa bàn tỉnh, cải thiện và nâng cao điều kiện sống của nhân dân.

6. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy QLNN về ĐTH từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở. Đào tạo và bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực, tư vấn và quản lý ĐT, NT v.v...

7. Tỉnh Thái Nguyên cần tăng cường quản lý khai thác tài nguyên, cảnh quan MT, xử lý chất thải ở ĐT và NT, kiểm soát xử lý nghiêm việc đào bới, chặt phá rừng, san gạt đồi núi, xả thải nước chưa qua xử lý ra hệ thống sông hồ và tổ chức thu gom xử lý theo qui định của Nhà nước và của tỉnh.

8. Tác động thúc đẩy ĐTH, XD và PTĐT-NT được tiến hành:

- Phát triển nhờ tác động từ trên xuống (trung ương, chính quyền cấp trên)
- Phát triển nhờ tác động từ dưới lên (chính quyền đô thị - nông thôn sở tại).

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

1. ĐTH là một hiện tượng khách quan, một xu thế tất yếu của sự PT XH loài người về các hình thái định cư và điều kiện sống ĐT. Nội hàm KT-XH, các xu hướng và điều kiện phát triển của quá trình ĐTH do phương thức sản xuất và phương thức sống của mỗi một hình thái xã hội xác định.

2. Đặc trưng chủ yếu của quá trình ĐTH hiện nay và những thập niên tới là:

- Tốc độ tăng trưởng dân số đô thị và đô thị hóa chung của thế giới ngày càng nhanh hơn.

- Tăng trưởng dân số của các đô thị diễn ra rất khác nhau...

- Số lượng các đô thị tăng nhanh. Dự báo (2015 có khoảng 24 đô thị trên 10 triệu dân, các nước phát triển 4, các nước đang phát triển 20).

- Lãnh thổ đô thị hóa không ngừng mở rộng...

3. Phát triển KT-XH và ĐTH có những mối quan hệ tác động hỗ trợ lẫn nhau, tạo tiền đề, động lực cùng phát triển.

4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và LĐXH theo hướng hiện đại (CN và DV) là động lực của đô thị hóa.

5. QLNN về ĐTH là quản lý quá trình XDPT các hình thức, điều kiện sống cũng như các hình thái định cư đô thị và theo kiểu đô thị.

- Quản lý nhà nước về đô thị hoá có mục tiêu:

XD ĐT-NT văn minh hiện đại, có cơ sở HT KT-XH và kỹ thuật phù hợp, đồng bộ và HD, có MT trong sạch; kiến trúc tiên tiến, giàu bản sắc, được phân bố và phát triển hợp lý trên địa bàn cả nước và các vùng địa phương.

- Là chủ thể QL ĐTH, Nhà nước có vai trò định hướng, quyết định, đầu tư vốn, hỗ trợ và tổ chức kiểm soát đô thị hóa...

6. Theo định hướng của Chính phủ, Thái Nguyên phát triển thành “vùng kinh tế trọng điểm Bắc thủ đô Hà Nội, là tứ giác tăng trưởng kinh tế ở phía Bắc” (Thông báo số 27/TB-VPCP ngày 22/1/2009).

7. Tuy có nhiều bước thăng trầm, song kể từ khi tái lập tỉnh (năm 1997) KT-XH của tỉnh Thái Nguyên đã đạt được những thành tựu đáng kể, trên các lĩnh vực KT-XH tốc độ tăng trưởng và phát triển nhìn chung ngày càng nhanh hơn, đặc biệt là trong 3 năm qua tăng trưởng kinh tế có sự bứt phá.

8. Là một tỉnh trung du miền núi, kinh tế còn thấp và chậm phát triển nên đô thị hoá cũng ở mức độ thấp và chứa đựng những bất cập.

9. Công tác QLNN về ĐTH, XD PT ĐT và NT đã và đang được xúc tiến và đẩy mạnh, song qui mô và tính đồng bộ của các hoạt động quản lý còn hạn chế, chủ yếu tập trung và QL ĐT TP Thái Nguyên và TX Sông Công, hai đô thị do cấp tỉnh quản lý.

10. Với mục tiêu đẩy mạnh CNH-HĐH và phấn đấu để đến năm 2020 đưa nước ta trở thành một nước CN về cơ bản và theo hướng hiện đại, trong những thập niên tới ĐTH và HTĐT của cả nước và của tỉnh Thái Nguyên sẽ có tốc độ phát triển nhanh hơn thời gian vừa qua để tương xứng với tiến trình CNH-HĐH và sự PT KT-XH của cả nước và của tỉnh Thái Nguyên.

11. Định hướng QLNN về ĐTH của tỉnh Thái Nguyên cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

a. Xây dựng định hướng ĐTH và PT HTĐT trên địa bàn tỉnh đến 2020.

Chỉ đạo và tổ chức việc nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện định hướng ĐTH và PT HTĐT của tỉnh đến năm 2020 và 2025. Định hướng ĐTH và phát triển HTĐT tỉnh phải phục vụ mục tiêu đẩy nhanh, đẩy mạnh tiến trình CNH-HĐH trên địa bàn.

- Bằng phương pháp xác định DSĐT theo tổng lượng LDXH của tỉnh trên cơ sở lấp đầy khoảng 3.420 ha đất CN với tỷ lệ 80 LD /ha và 60% LDCN được thu hút vào khu vực ĐT, tác giả dự báo:

+ Đến năm 2015, DSĐT khoảng 457.700 người với tỷ lệ ĐTH khoảng 35% (cả nước 38%). Năm 2009, Thái Nguyên 25,89% (cả nước 29,6%).

+ Đến 2020, dân số đô thị trên 734.000 người với tỷ lệ đô thị hóa khoảng 48% (cả nước 45%).

- Hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh từ 15 đô thị hiện nay lên khoảng trên 20 đô thị vào 2020:

+ Nâng cấp TP Thái Nguyên hiện nay là ĐT loại II lên ĐT loại I vào 2010.

+ Nâng cấp TX Sông Công hiện nay là ĐT loại V lên ĐT loại III vào 2011.

+ PT nâng cấp các thị trấn Đại Từ, Ba Hàng, Đu và Chùa Hang hiện nay là ĐT loại V lên ĐT loại IV vào 2015.

+ Đầu tư xây dựng, chỉnh trang các thị trấn đô thị loại V còn lại.

+ Xây dựng các ĐT mới như Yên Bình (loại II trong tương lai) thị trấn La Hiên, Quang Sơn, Núi Cốc, Nam Phổ Yên, Tây Phổ Yên, Diềm Thụy.

+ Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, chỉnh trang khoảng 25 thị tứ trung tâm xã, cụm xã.

b. Ban hành, bổ sung sửa đổi các VBQL, tạo điều kiện thuận lợi triển khai thực hiện định hướng ĐTH, XD PTĐT và XDNT mới trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản đang thực hiện:

Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quyết định, quy định hiện hành và nhiều quyết định khác về QLĐT và ĐTH của tỉnh Thái Nguyên.

- Ban hành văn bản mới

+ Quy định về QLQH vùng tỉnh, liên huyện, thành phố, thị xã, các điểm trung tâm xã, cụm xã và dân cư nông thôn.

+ Qui định về quản lý không gian lãnh thổ trong quá trình đô thị hoá.

+ Phân cấp QL và PT HTĐT và ĐTH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

+ Phân cấp quản lý qui hoạch các KCN, cụm công nghiệp và làng nghề trong quá trình ĐTH của tỉnh...

c. Đổi mới và hoàn thiện các cơ chế, chính sách XD, PTĐT, NT.

- Đổi mới và hoàn thiện các cơ chế chính sách đang thực thi như chính sách khuyến khích, ưu đãi và đảm bảo đầu tư trực tiếp của Chính phủ trên địa bàn tỉnh, chính sách vận động đầu tư vào tỉnh giai đoạn 2007 - 2015, chính sách về thuế đất trong KCN, chính sách về giá DV nước sạch trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các cơ chế chính sách mới về đầu tư, huy động vốn trên địa bàn tỉnh, XD CSHT, sử dụng nhà ở, đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản vật liệu quý hiếm, QH kiến trúc ĐT, NT, đào tạo và sử dụng nguồn lực v.v...

d. Chính quyền chỉ đạo tổ chức lập và triển khai qui hoạch tổng thể HTĐT của tỉnh. Hướng qui hoạch tác giả đề xuất như sau:

- Vùng tập trung hay vùng ĐTH cao bao gồm TP Thái Nguyên, TX Sông Công, các huyện Đại Từ, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Phú Bình. Vùng này mật độ đô thị tương đối cao (khoảng 3 đô thị /huyện).

- Vùng ĐTH thấp bao gồm các huyện phía Bắc và Tây Bắc tỉnh; Định Hoá, Phú Lương và Võ Nhai với mật độ ĐT thấp hơn (mỗi huyện 1-2 ) ĐT.

- Các ĐT được phân bố tập trung ở khu vực trung tâm của tỉnh (TP Thái Nguyên, TX Sông Công) và dọc theo các tuyến quốc lộ như QL3, QL37, QL1B.

e. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và tăng cường QLNN về ĐTH, tác giả đề xuất cho tỉnh Thái Nguyên:

- Thành lập Viện QHV - ĐT và NT trực thuộc UBND cấp tỉnh

- Bổ sung thêm chức năng và nhiệm vụ QL ĐTH (QHXD vùng) Sở XD.

- XD chương trình và tăng cường đào tạo nguồn nhân lực và QLNN về ĐTH.

- Hoàn thiện, sửa đổi các văn bản về tổ chức bộ máy và QLNN về ĐTH.

f. Tăng cường ĐTXD, PT và QL kết cấu HTKT, cụ thể tập trung đầu tư. Phấn đấu đến 2015 cơ bản HTHT được XD hoàn chỉnh.

g. Đẩy mạnh công tác BVQL khai thác MT cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo ĐTH bền vững.

12. Kết hợp hài hoà hợp lý 2 phương thức tác động đô thị hóa để tạo ra động lực tối đa cho ĐTH từ phía nhà nước và từ phía cộng đồng.

## **2. Kiến nghị**

Để cho các địa phương nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng, có cơ sở pháp lý, tạo động lực và điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh và QL quá trình ĐTH hiệu quả, tác giả kiến nghị với nhà nước.

1. Hoàn thiện HTPL, pháp qui về ĐTH, XD phát triển đô thị nông thôn.

2. Xây dựng mới và hoàn thiện các chính sách đang thực thi nhằm mục đích đẩy mạnh và quản lý hiệu quả quá trình ĐTH như:

- Chính sách điều tiết, điều hòa quá trình đô thị hoá

- Chính sách ưu đãi đối với các vùng KT-XH và ĐTH thấp song có nhiều tiềm năng (vốn đầu tư và hỗ trợ của Nhà nước, ưu đãi các dự án đầu tư tiếp nhận hỗ trợ của nước ngoài như WB, ODA v.v...). Chính sách nghĩa vụ và trách nhiệm của các vùng ĐTH phát triển đối với các vùng kém phát triển v.v...

3. Tăng cường phân cấp mạnh cho Chính quyền các ĐT tự chủ về tài chính, xử lý các vi phạm trong QLĐT và quá trình ĐTH. Cho phép Chính quyền cấp tỉnh được ban hành trái phiếu ĐT trên cơ sở đề nghị của Chính quyền ĐT để XD PTĐT góp phần điều tiết, điều chỉnh ĐTH trong tiến trình CNH-HĐH.



4. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ của các cơ quan QLNN về ĐTH ở các địa phương như các cơ quan pháp luật về thanh tra xử lý các vi phạm XDĐT, các cơ quan đảm bảo TTĐT, an ninh ĐT và NT, cảnh sát môi trường đô thị.

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy QLNN về ĐTH từ trung ương tới các địa phương (gắn QLNN về ĐT với XDNT mới). Thành lập các BQL vùng trực thuộc Chính phủ và UBND các tỉnh thành phố.

- Bổ sung thêm các chức năng, nhiệm vụ QL ĐTH cho Bộ xây dựng và các Bộ ngành khác ở trung ương cũng như các chức năng nhiệm vụ QL ĐTH của các Sở QH- KT; Sở Xây dựng và các sở ngành khác ở cấp tỉnh.

5. Thành lập trung tâm đào tạo và nâng cao năng lực về QL PTĐT cho cán bộ chính quyền các đô thị các đô thị và các nhà lãnh đạo liên quan đến PT ĐTNT và ĐTH. Thành lập trung tâm đào tạo lãnh đạo QLĐT quốc gia.

6. Thành lập viện nghiên cứu quản lý đô thị, nông thôn tại Học viện Hành chính và ở 3 vùng đô thị Bắc -Trung - Nam của đất nước. Thực hiện chức năng nhiệm vụ nghiên cứu cách thức, phương pháp quản lý nhà nước về Đô thị nông thôn và đô thị hóa. Giúp cho việc đào tạo đội ngũ cán bộ hành chính công có trình độ, kiến thức quản lý nhà nước về đô thị hóa, phục vụ cho mục tiêu phát triển của đất nước góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành nước công nghiệp cơ bản vào năm 2020 theo hướng hiện đại./.